

THÔNG TƯ

Quy định về hoạt động môi giới tiền tệ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư quy định về hoạt động môi giới tiền tệ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định hoạt động môi giới tiền tệ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Bên môi giới tiền tệ (sau đây gọi là bên môi giới) là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoạt động môi giới tiền tệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng thương mại hoặc Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài do Ngân hàng Nhà nước cấp.

2. Khách hàng được môi giới tiền tệ (sau đây gọi là khách hàng) là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính khác.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Môi giới tiền tệ là việc làm trung gian có thu phí môi giới để thu xếp thực hiện các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định tại Điều 5 Thông tư này giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính khác.

2. Tổ chức tài chính khác là tổ chức tài chính được xác định theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền.

3. Phí môi giới tiền tệ là số tiền khách hàng phải trả cho bên môi giới để được cung ứng dịch vụ môi giới tiền tệ.

Điều 4. Nguyên tắc môi giới tiền tệ

1. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải ban hành quy định nội bộ về hoạt động môi giới tiền tệ phù hợp với quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan, trong đó phải bao gồm tối thiểu các nội dung sau: quy trình, thủ tục thực hiện môi giới tiền tệ; phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của những người liên quan đến hoạt động môi giới tiền tệ; quản lý rủi ro đối với hoạt động môi giới tiền tệ.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế quy định nội bộ về hoạt động môi giới tiền tệ, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải gửi trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện cho Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) quy định nội bộ được ban hành, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Việc thực hiện môi giới tiền tệ phải tuân thủ quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Có ít nhất một bên khách hàng được môi giới tiền tệ là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng.

4. Đảm bảo trung thực, khách quan, vì lợi ích hợp pháp của khách hàng:

a) Thông tin về giao dịch được môi giới tiền tệ và thông tin khác được khách hàng cho phép cung cấp phải được phản ánh đầy đủ, chính xác;

b) Không được cung cấp thông tin sai lệch hoặc can thiệp dưới mọi hình thức nhằm làm sai lệch thông tin dẫn đến khách hàng đánh giá không chính xác về giao dịch được môi giới tiền tệ và/hoặc ảnh hưởng tới lợi ích hợp pháp của khách hàng;

5. Không cung cấp thông tin liên quan đến khách hàng và giao dịch được môi giới tiền tệ cho bên thứ ba, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

6. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được đồng thời vừa là bên môi giới, vừa là một bên thực hiện giao dịch được môi giới tiền tệ với khách hàng.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 5. Phạm vi môi giới tiền tệ

Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cung ứng dịch vụ môi giới tiền tệ đối với các hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 6. Phương thức thực hiện môi giới tiền tệ

Bên môi giới có thể thực hiện hoạt động môi giới tiền tệ thông qua giao dịch trực tiếp hoặc gián tiếp qua mạng máy vi tính và/hoặc điện thoại với khách hàng, hoặc các phương thức khác do các bên thỏa thuận phù hợp với điều kiện của các bên, tuân thủ quy định của pháp luật.

Điều 7. Hợp đồng môi giới tiền tệ

Bên môi giới và khách hàng ký hợp đồng môi giới tiền tệ trên cơ sở thỏa thuận của các bên, phù hợp với quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Thông tin về bên môi giới, khách hàng.
2. Phương thức thực hiện môi giới tiền tệ.
3. Phí môi giới tiền tệ và các chi phí khác có liên quan (nếu có).
4. Phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán.
5. Quyền, nghĩa vụ của các bên.
6. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.
7. Quy định về xử lý tranh chấp.
8. Hiệu lực của hợp đồng.
9. Các thỏa thuận khác phù hợp với quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 8. Phí môi giới tiền tệ

Phí môi giới tiền tệ và các chi phí khác có liên quan do bên môi giới và khách hàng thỏa thuận.

Điều 9. Lưu trữ hồ sơ

Bên môi giới phải lập và lưu trữ hồ sơ hoạt động môi giới tiền tệ bao gồm:

1. Hợp đồng môi giới tiền tệ.
2. Các tài liệu khác liên quan đến việc thực hiện giao dịch môi giới tiền tệ.

Chương III TỔ CHỨC THI HÀNH

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 8 năm 2016, thay thế Quyết định số 351/2004/QĐ-NHNN ngày 07/04/2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế môi giới tiền tệ.

2. Đối với các hợp đồng môi giới tiền tệ đã ký kết trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tiếp tục thực hiện các nội dung ghi trong hợp đồng môi giới tiền tệ phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết hợp đồng môi giới tiền tệ đó, hoặc thỏa thuận sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại Thông tư này.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng chịu trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện Thông tư này và xử lý các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền.

2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch hội đồng thành viên và Tổng giám đốc (Giám đốc) các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này. *RC*

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 11;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Website NHNN;
- Lưu: VP, Vụ PC, Vụ CSTT. *RC*



Nguyễn Thị Hồng